

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 06072603/KQ

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch sau xử lý
Trạm cấp nước Định Hiệp, ấp Hiệp Phước, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số mẫu/ Code of sample : 060726-014
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong chai nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 13/07/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				060726-014	
1.	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) <i>E.coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,13	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	0,79	2
7.	(a) Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,66	0,2 – 1,0
9.	(a) Permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

Ghi chú/Notes:

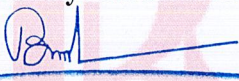
- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 06072603/KQ

- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation;
- (--) : Không quy định/ No specified; (-) : Không thực hiện/ Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Việt Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 06072603/KQ

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Nước sạch sau xử lý
Tên mẫu/ Name of sample : Hồ dân Lê Bá Tuấn, ấp Định Phước, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Định Hiệp)
Toạ độ: 11,280428; 106,408850
Mã số mẫu/ Code of sample : **060726-015**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong chai nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 13/07/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				060726-015	
1.	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) <i>E.coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,02	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	0,68	2
7.	(a) Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,62	0,2 – 1,0
9.	(a) Permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
10.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

Ghi chú/Notes:

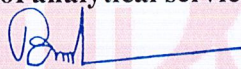
- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

Số/ No: 06072603/KQ

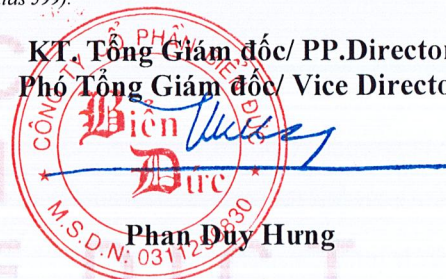
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/ Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 06072603/KQ

Tên khách hàng/ Customer : **TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ/ Address : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch
Nước sạch sau xử lý
Tên mẫu/ Name of sample : Hộ dân Bùi Ngọc Lụa, ấp Giáng Hương, xã Dầu Tiếng, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước Định Hiệp)
Mã số mẫu/ Code of sample : **060726-016**
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu nước trong, không cặn, đựng trong chai nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh 0,5L
Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 06/07/2026 Ngày trả kết quả/ Date of result : 13/07/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				060726-016	
	(a) Coliform tổng số	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
1.	(a) <i>E.coli</i>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
3.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
4.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,00	6,0 – 8,5
5.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	0,27	2
6.	(a) Asen (Arsenic) (As)	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
7.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G: 2023	0,60	0,2 – 1,0
8.	(a) Permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	KPH (LOD = 0,5)	2
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1 :1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

Ghi chú/Notes:

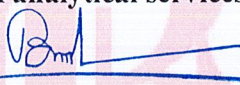
- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 06072603/KQ

- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/ Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng
M.S.D.N: 0311253290